TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu
2. Ông Phạm Ngọc Túy

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXX-ST ngày 20/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Bản G, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Hoàng Thị T có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức L có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã A và lao động tự do. Vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ

tháng 10/2021 đến nay mỗi người sống một nơi, chị đang sinh sống tại Bản G, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; còn anh L sinh sống tại Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/8/2014; Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 20/8/2017; Nguyễn Khả N1, sinh ngày 28/11/2019, hiện con N và con T1 đang ở cùng anh L; con N1 đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị xin được nuôi con Nguyễn Khả N1, để anh L nuôi con Nguyễn Thị Yến N; Nguyễn Thùy T1; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức L trình bày tại biên bản lấy lời khai có sự chứng kiến của cơ sở thôn và gia đình anh L như sau: Về quá trình, điều kiện kết hôn, như Chị T trình bày như trên là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã A và lao động tự do, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Nay Chị T có đơn xin ly hôn thì anh L nhất trí ly hôn với Chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như Chị T trình bày. Ly hôn anh L đề nghị được nuôi con Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/8/2014; Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 20/8/2017 để Chị T nuôi con Nguyễn Khả N1, sinh ngày 28/11/2019; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Yến N ngày 07/7/2022 thể hiện:

Cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/8/2014 là con đẻ của chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức L. Hiện cháu Nhi đang học lớp 3A, trường Tiểu học xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, cháu đang ở cùng anh L. Nay Chị T, anh L ly hôn thì cháu Nhi có nguyện vọng ở với anh L.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 15/10/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình chung sống Chị T, anh L có phát sinh mâu thuẫn hay không thì cơ sở thôn không nắm rõ. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2021 đến nay mỗi người sống một nơi, Chị T đang sinh sống tại Bản G, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; còn anh L sinh sống tại Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nay Chị T có đơn xin ly hôn thì cơ sở thôn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng Chị T, anh L có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/8/2014; Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 20/8/2017; Nguyễn Khả N1, sinh ngày 28/11/2019, ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định

của pháp luật để giải quyết theo nguyện vọng của các bên. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chấp hành chưa tốt quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức L là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị T.

Bị đơn hiện có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa… cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị T, anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/10/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau, Chị T đang sinh sống tại

Bản G, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trong khi đó anh L sinh sống tại Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị T đề nghị ly hôn nhưng anh L không đến Tòa án làm việc trình bày ý kiến và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, xử cho chị được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Đức L có 03 Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/8/2014; Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 20/8/2017; Nguyễn Khả N1, sinh ngày 28/11/2019, hiện con N và con T1 đang ở cùng anh L; con N1 đang ở cùng Chị T. Ly hôn anh, chị thống nhất Chị T nuôi con Nguyễn Khả N1; anh L nuôi con Nguyễn Thị Yến N; Nguyễn Thùy T1; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cháu Nguyễn Thị Yến N cũng có nguyện vọng ở cùng anh L. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Chị T, anh L là chính đáng. Kể từ khi vợ chồng ly thân, Chị T, anh L nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi con Nguyễn Khả N1, sinh ngày 28/11/2019; anh Nguyễn Đức L trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/8/2014; Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 20/8/2017; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T, anh Nguyễn Đức L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi con Nguyễn Khả N1, sinh ngày 28/11/2019; anh Nguyễn Đức L trực tiếp nuôi con

Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 27/8/2014; Nguyễn Thùy T1, sinh ngày 20/8/2017; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0004629 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Đức L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh